

SỞ TƯ PHÁP T.TUYÊN QUANG Số: 432/QĐ-UBND

Ngày 06-12-2017

CÔNG VĂN ĐẾN Số: 5401

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tạm thời giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài
chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày
28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-
CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 398/TTr-STC ngày
07/11/2017 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định quy định
tạm thời giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng
nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định tạm thời giá tối đa dịch vụ thu gom, vận
chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định tạm thời giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; quản lý và sử dụng số thu từ dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện việc thực hiện, sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng.

- Đối tượng chi trả giá dịch vụ: Các hộ gia đình, cá nhân, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các doanh nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Đối tượng thu giá dịch vụ: Công ty Cổ phần Dịch vụ môi trường và quản lý đô thị, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cấp thoát nước Tuyên Quang; các đơn vị và tổ chức thực hiện công tác vệ sinh môi trường do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thành lập hoặc giao nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là đơn vị được lựa chọn cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt).

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Đơn giá dịch vụ:

3.1. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách (*Có phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này*).

Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên là mức giá tối đa, đã được nhà nước trợ giá và đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3.2. Áp dụng đối với một số trường hợp đặc thù:

- Đối với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có sử dụng mặt bằng nhà ở để hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: ngoài việc nộp giá sử dụng dịch vụ theo số nhân khẩu thực tế, phải nộp giá dịch vụ theo ngành, nghề kinh doanh.

- Đối với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có kinh doanh nhiều ngành nghề tại cùng 01 địa điểm: giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải phải nộp tương ứng với ngành nghề kinh doanh có mức thu giá dịch vụ cao nhất.

4. Quản lý và sử dụng số tiền thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:

4.1. Đơn vị được lựa chọn cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tổ chức thu dịch vụ trong phạm vi cung ứng dịch vụ của mình. Cụ thể:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thu đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, các hộ gia đình không có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện, thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Thuế triển khai thu đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn huyện, thành phố.

4.2. Đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phải thực hiện chế độ về hóa đơn, chứng từ cung cấp dịch vụ theo quy định của Nhà nước hiện hành .

4.3. Toàn bộ số thu từ dịch vụ cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được hạch toán vào doanh thu cung cấp dịch vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

4.4. Bù trừ kinh phí giữa phần khối lượng nhà nước đặt hàng với phần thu dịch vụ.

a) Hàng năm, cơ quan nhà nước được giao quản lý dịch vụ công ích (trong đó có dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt) có trách nhiệm thực hiện theo phương thức đấu thầu; trường hợp không đáp ứng các điều kiện đấu thầu thì thực hiện theo phương thức đặt hàng theo đúng quy định của nhà nước hiện hành và thực hiện ký hợp đồng cung ứng dịch vụ công ích với đơn vị được lựa chọn cung cấp dịch vụ.

b) Căn cứ khối lượng công việc nghiêm thu thực tế và đơn giá theo hợp đồng, cơ quan nhà nước được giao quản lý dịch vụ công ích và đơn vị được lựa chọn cung cấp dịch vụ xác định, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện dịch vụ công ích trong năm và xác định phần kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù .

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Đơn vị được lựa chọn cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm:

- Cung cấp dịch vụ công ích theo đúng hợp đồng đã ký kết với cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý dịch vụ công ích.

- Căn cứ số lượng đối tượng sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và đơn giá dịch vụ quy định tại quyết định này, lập dự toán thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trong năm, gửi cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý dịch vụ công ích để tạm tính dự toán phần ngân sách cấp bù.

2. Cơ quan Tài chính các cấp:

- Thẩm định dự toán của các cơ quan quản lý nhà nước được giao nhiệm vụ quản lý dịch vụ công ích, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, phê duyệt và giao dự toán thu - chi.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

3. Cơ quan Thuế:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thường xuyên kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định của pháp luật về thuế; hướng dẫn các đơn vị thực hiện kê khai nộp thuế, quyết toán thuế đối với doanh thu thu được theo quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn cung cấp danh sách, sổ bộ chi tiết các đối tượng sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn quản lý cho đơn vị được lựa chọn cung cấp dịch vụ; tuyên truyền, vận động đến các đối tượng sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn hiểu và chấp hành nội dung quy định này đồng thời nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc giữ vệ sinh môi trường tại địa phương.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn quản lý để kịp thời chấn chỉnh những sai phạm (nếu có) của các tổ chức, cá nhân có hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị được giao tổ chức triển khai thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn; thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Chế tài xử lý:

- Tổ chức, cá nhân vi phạm trong lĩnh vực quản lý giá sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Các trường hợp sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt nhưng không chấp hành nộp tiền dịch vụ theo quy định, đơn vị cung cấp dịch vụ có quyền từ chối cung cấp dịch vụ vào báo cáo chính quyền địa phương để xử lý theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng Tin học và Công báo;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trưởng phòng KT, TH;
- Lưu: VT (Huy. TH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Phạm Minh Huấn

PHỤ LỤC

**Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được đầu tư
bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**
 (Kèm theo Quyết định số: 432 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2017
 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá tối đa (Đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)
1 Đối với cá nhân, hộ gia đình (không sản xuất kinh doanh):			
1.1	Có 7 người trở lên	đồng/hộ/tháng	17.000
1.2	Có từ 5 đến 6 người	đồng/hộ/tháng	13.000
1.3	Có từ 4 người trở xuống	đồng/hộ/tháng	10.000
2 Đối với hộ kinh doanh, trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các 1 cơ quan HCSN, chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp, Công ty, Hợp tác xã:			
2.1	Đối hộ kinh doanh, buôn bán nhỏ, không phải đóng lệ phí môn bài	đồng/hộ/tháng	29.000
2.2	Đối hộ kinh doanh hàng ăn, buôn bán, có mức thuế môn bài bậc từ 300.000 đồng/năm đến 1.000.000 đồng/năm	đồng/hộ/tháng	46.000
2.3	Đối với trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các cơ quan HCSN, chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp, Công ty, Hợp tác xã:		
a	Đơn vị dưới 30 người	đồng/đơn vị/tháng	44.000
b	Đơn vị từ 30 người đến dưới 50 người	đồng/đơn vị/tháng	77.000
c	Đơn vị trên 50 người	đồng/đơn vị/tháng	165.000
3 Đối với các cửa hàng kinh doanh, dịch vụ, khách sạn, nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống, nhà nghỉ			
3.1	Đối với các cửa hàng kinh doanh, dịch vụ, nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống, cà phê giải khát karaoke, nhà nghỉ, khách sạn có từ 01 đến 20 phòng	đồng/cơ sở/tháng	165.000
3.2	Khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng có từ 20 phòng trở lên	đồng/cơ sở/tháng	330.000
3.3	Đối với các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	đồng/cơ sở/tháng	330.000
3.4	Đối với các nhà máy, cơ sở sản xuất	đồng/cơ sở/tháng	330.000
4 Đối với bệnh viện, chợ, bến xe			
4.1	Đối với bệnh viện:		
a	Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang	đồng/cơ sở/tháng	660.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá tối đa (Đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)
b	Các bệnh viện còn lại	đồng/cơ sở/tháng	495.000
4.2	Đối với Bên xe:		
a	Bến xe Tuyên Quang	đồng/bến xe/tháng	495.000
b	Bến xe các huyện còn lại	đồng/bến xe/tháng	165.000
4.3	Đối với các hộ kinh doanh trong chợ		
a	Hộ kinh doanh thường xuyên:		
-	Chợ Tam Cờ thành phố Tuyên Quang.	đồng/hộ/tháng	22.000
-	Chợ Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang; Chợ thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	đồng/hộ/tháng	18.000
-	Các chợ còn lại	đồng/hộ/tháng	13.000
b	Hộ kinh doanh không thường xuyên:		
-	Chợ thành phố, thị trấn	đồng/hộ/tháng	3.000
-	Các chợ còn lại	đồng/hộ/tháng	1.000
5	Đối với các công trình xây dựng, cải tạo, sửa chữa.	đồng/m ³ rác	72.000